

MARKET INSIGHTS REPORTS

10.04.2024

**NHÓM CỔ PHIẾU HỘ VINCOM ĐANG CÓ
NỖ LỰC BỨT PHÁ KHỎI NỀN GIÁ**



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Lũy kế từ đầu năm, VNM và VHM chiếm ½ lượng bán ròng của khối ngoại
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Số liệu lũy kế)
Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo kỳ hạn (Số liệu theo tháng)
- 10** TTCK MỸ
Biến động TTCK Mỹ tới nay phụ thuộc vào bản tin CPI

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	537
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	177
Số cổ phiếu giảm giá	275
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	85

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	229
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	56
Số cổ phiếu giảm giá	101
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	72

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	362
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	147
Số cổ phiếu giảm giá	115
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	100

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	55,778.16	75,705.54	(19,927.38)
% KL toàn thị trường	7.94%	10.78%	
Giá trị	1,663,469	2,269,550	(606,081)
% GT toàn thị trường	9.87%	13.47%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,040.64	1,371.25	(330.61)
% KL toàn thị trường	7.94%	10.78%	
Giá trị	38,793	37,768	1,026
% GT toàn thị trường	2.74%	2.67%	

UPCOM

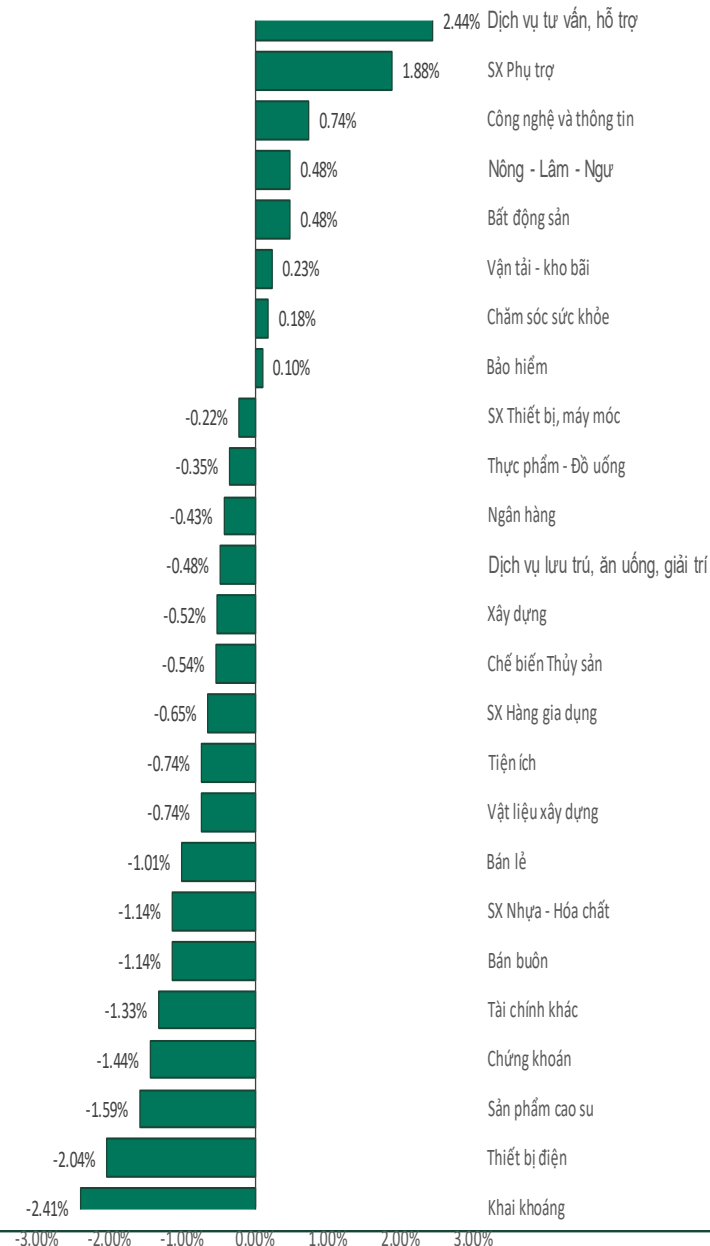
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	610.20	913.30	(303.10)
% KL toàn thị trường	1.43%	2.14%	
Giá trị	13,718	21,163	(7,444)
% GT toàn thị trường	2.02%	3.12%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

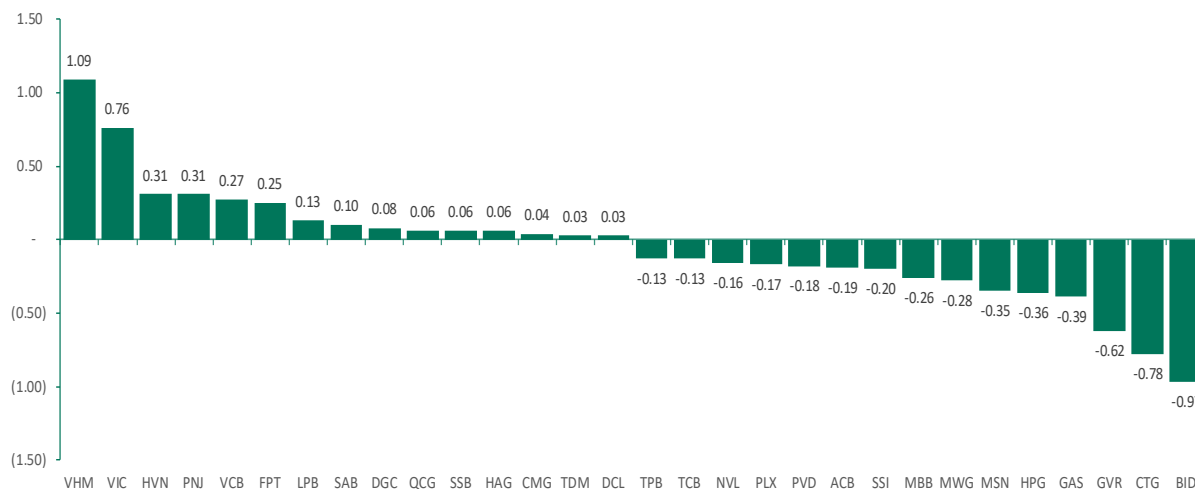
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	737,400	94,500	200 (0.21%)	17.34	3.20	5,449	528,169
2	BID	1,193,200	52,000	-700 (-1.33%)	15.69	2.41	3,314	296,423
3	VHM	24,322,200	44,200	1,000 (2.31%)	5.77	1.05	7,664	192,463
4	VIC	5,161,600	48,500	800 (1.68%)	85.84	1.25	565	185,448
5	GAS	637,900	79,200	-700 (-0.88%)	15.93	2.79	4,972	181,902
6	CTG	4,301,500	33,650	-600 (-1.75%)	9.08	1.44	3,706	180,700
7	HPG	11,134,400	29,650	-250 (-0.84%)	26.54	1.68	1,117	172,408
8	TCB	7,754,300	45,650	-150 (-0.33%)	8.94	1.22	5,104	160,803
9	VPB	29,210,400	19,350	0 (0%)	13.50	1.10	1,433	153,521
10	FPT	1,791,100	113,800	800 (0.71%)	24.42	4.83	4,661	144,522

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 12.47 điểm (+ 1.00%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, sản phẩm phụ trợ, công nghệ thông tin, bất động sản, nông lâm ngư, vận tải kho bãi... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như TV2, KPF, ACG, PTB, FPT, CTR, CMG, VHM, VIC, VRE, HDG, HAG, HVN, GMD, SCS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PTB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo mô hình ABC của sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 59 – 61;
- ✓ Sóng 5 đang hình thành với giá mục tiêu là 68 – 73;
- ✓ PTI = 41 > 35 cho thấy xác suất đạt giá mục tiêu sóng 5 là cao;
- ✓ Tỷ giá tăng cao với giá trị xuất khẩu đồ gỗ phục hồi 25.35% trong Q1/2024 là cơ sở giúp PTB duy trì đà tăng giá hiện tại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) FPT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Inverted Hammer”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng thu hẹp cảnh báo sự biến động mạnh có thể sắp xảy ra;
- ✓ Chúng tôi có tham gia họp ĐHCĐ FPT hôm nay với một số tin tức như sau: (a) FPT đã có hợp đồng triệu đô trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo. FPT đang đầu tư mạnh vào Landing AI - với kỳ vọng các sản phẩm mảng này sẽ đột phá hơn cả Chat GPT. (b) Chất bán dẫn (Semiconductor): Chất bán dẫn bắt đầu từ Mỹ đã đi qua Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan và hiện tại đang nhìn Việt Nam như "ngôi nhà thứ hai", nhờ điểm mạnh về lực lượng lao động. Việt Nam đang chuẩn bị bằng các mối quan hệ chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Mỹ... FPT đang chuẩn bị về nguồn nhân lực, hợp đồng với các cái tên lớn và nhắm tới "Phát triển phần mềm cho bán dẫn", một ngách trong ngành bán dẫn còn nhiều dư địa.
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “GAP UP”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang ở trong sóng 5 với mô hình 12345 trong đó đang ở mô hình abc của sóng 4 nhỏ;
- ✓ Hỗ trợ sóng 5 nhỏ giảm giá là 42 cũng hoàn tất mô hình 5 sóng giảm giá lớn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(iv) VIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang chạm kháng cự động MA(200) – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá dài hạn quay trở lại;
- ✓ RSI(14) thiết lập một Break out gợi mở về khả năng giá sẽ đi theo - Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(v) HVN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá chạm mục tiêu sóng 3 quanh 17 và có thể hình thành sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 15;
- ✓ RSI(14) vào vùng quá mua và tiềm ẩn Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(2) Khai khoáng, thiết bị điện, sản phẩm cao su, chứng khoán, tài chính khác ... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như PVS, PVD, KSB, PVC, GEX, CAV, PAC, DRC, IPA, OGC, SSI, VND, HCM, VIX, SHS, VCI... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ là 38 – 40;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) PVD giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ là 28 – 30;
- ✓ RSI(14) đi xuống gợi ý về mức thấp của giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iii) HCM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vẫn nằm trên kênh Regression Channel với hỗ trợ là 27;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Lũy kế từ đầu năm, VNM và VHM chiếm ½ lượng bán ròng của khối ngoại với khoảng 8,000 tỷ đồng

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý:

(i) VN-Index bị chạm kháng cự tại vùng 1,300 điểm, cũng là dải băng trên của Bollinger (tháng). Mức hỗ trợ quan trọng trên đồ thị tháng là 1,220 – 1,230. Quan điểm của chúng tôi khu vực hỗ trợ này sẽ đứng vững và đây là đợt điều chỉnh giảm nhanh lên nhanh của thị trường. Hôm nay, chỉ số không thiết lập một cây nến tăng giá mạnh mẽ nên khả năng vùng đảo chiều có thể xuất hiện vào ngày 21/4/2024 và VN-Index có thể sẽ lùi lại giảm điểm thêm để giảm về vùng hỗ trợ sóng 4 nên việc quản trị rủi ro phù hợp với danh mục của từng nhà đầu tư vẫn phải duy trì thận trọng.

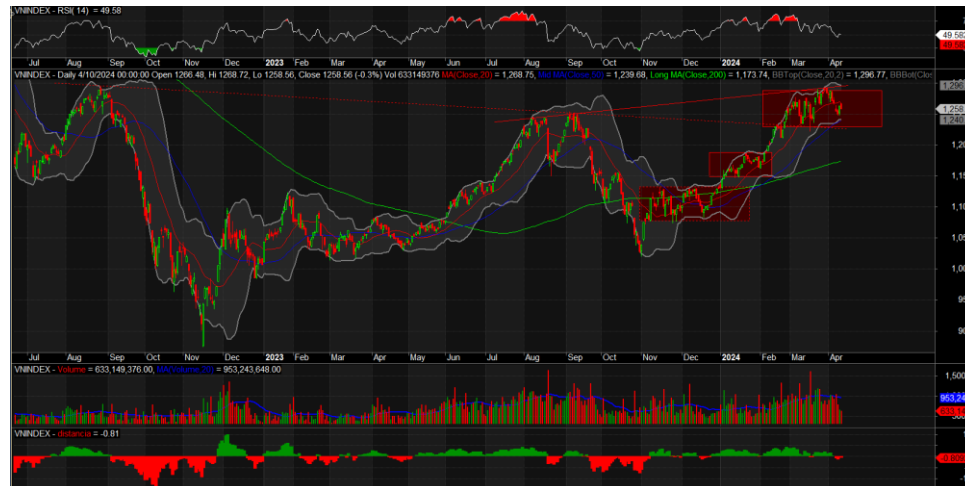
(ii) Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng hơn 600 tỷ. Như vậy, áp lực bán của khối ngoại lại tiếp tục duy trì ở mức cao sau vài phiên mua ròng gần đây. Lượng bán ròng tập trung ở VHM, NVL, VNM, FUESSVFL (Quỹ ETF Ssiam Vnfin Lead) ...trong khi lượng mua ròng tập trung ở nhóm chứng khoán, MBB, VIC, NTL.. Lũy kế từ đầu năm tới giờ khối ngoại đã bán ròng gần 4,000 tỷ VHM và khoảng 4,200 tỷ VNM. Tổng lượng bán ròng hai cổ phiếu này chiếm ½ lượng bán ròng toàn thị trường của khối ngoại lúc này. Việc bán ròng này khiến hai cổ phiếu này gần như nằm ngang trong suốt giai đoạn từ đầu năm tới nay.

(iii) Dựa trên góc nhìn chu kỳ, vì đây là chu kỳ sơ cấp đầu tiên, nên thị trường chỉ giảm dưới 10% trong 2-5 tuần.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 01 mã cho tín hiệu bán, 28 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 52% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa không rõ xu hướng cao hơn hay thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,230 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu LPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	529.59	531.3	527.89	NO	533.03	539.87	543.31	550.15	522.75	519.31	512.47	509.03
HNXINDEX	239.43	239.74	239.11	NO	240.3	241.82	242.69	244.21	237.91	237.04	235.52	234.65
UPIINDEX	90.75	90.79	90.7	YES	90.98	91.32	91.55	91.89	90.41	90.18	89.84	89.61
VN30	1267.91	1269.95	1265.86	NO	1271.99	1280.17	1284.25	1292.43	1259.73	1255.65	1247.47	1243.39
VNINDEX	1261.95	1263.64	1260.25	NO	1265.33	1272.11	1275.49	1282.27	1255.17	1251.79	1245.01	1241.63
VNXALL	2047.51	2050.55	2044.46	NO	2053.61	2065.8	2071.9	2084.09	2035.32	2029.22	2017.03	2010.93
VN30F1M	1263.97	1265.9	1262.03	NO	1269.03	1277.97	1283.03	1291.97	1255.03	1249.97	1241.03	1235.97
VN30F1Q	1269.13	1270.9	1267.37	NO	1272.67	1279.73	1283.27	1290.33	1262.07	1258.53	1251.47	1247.93
VN30F2M	1268.23	1269.4	1267.07	YES	1273.47	1281.03	1286.27	1293.83	1260.67	1255.43	1247.87	1242.63
VN30F2Q	1269.07	1270.55	1267.58	NO	1272.03	1277.97	1280.93	1286.87	1263.13	1260.17	1254.23	1251.27
BCM	61.6	61.75	61.45	NO	62	62.7	63.1	63.8	60.9	60.5	59.8	59.4
BID	52.23	52.35	52.12	NO	52.57	53.13	53.47	54.03	51.67	51.33	50.77	50.43
ACB	27.27	27.35	27.18	NO	27.43	27.77	27.93	28.27	26.93	26.77	26.43	26.27
BVH	41.63	41.67	41.59	NO	41.77	41.98	42.12	42.33	41.42	41.28	41.07	40.93
CTG	33.88	34	33.77	NO	34.12	34.58	34.82	35.28	33.42	33.18	32.72	32.48
FPT	114.23	114.45	114.02	NO	115.17	116.53	117.47	118.83	112.87	111.93	110.57	109.63
GAS	79.63	79.85	79.42	NO	80.07	80.93	81.37	82.23	78.77	78.33	77.47	77.03
GVR	31.92	32.05	31.78	NO	32.23	32.82	33.13	33.72	31.33	31.02	30.43	30.12
HDB	23.87	23.83	23.91	NO	24.13	24.32	24.58	24.77	23.68	23.42	23.23	22.97
HPG	29.8	29.88	29.73	NO	29.95	30.25	30.4	30.7	29.5	29.35	29.05	28.9
MBB	23.98	24.08	23.89	NO	24.17	24.53	24.72	25.08	23.62	23.43	23.07	22.88
MSN	72.97	73.2	72.73	NO	73.43	74.37	74.83	75.77	72.03	71.57	70.63	70.17
MWG	52.3	52.45	52.15	NO	52.9	53.8	54.4	55.3	51.4	50.8	49.9	49.3
PLX	36.82	36.92	36.71	NO	37.08	37.57	37.83	38.32	36.33	36.07	35.58	35.32
POW	11.28	11.27	11.29	YES	11.37	11.43	11.52	11.58	11.22	11.13	11.07	10.98
SAB	55.3	55.3	55.3	YES	55.5	55.7	55.9	56.1	55.1	54.9	54.7	54.5
SSB	21.88	21.83	21.94	NO	22.12	22.23	22.47	22.58	21.77	21.53	21.42	21.18
SHB	11.25	11.27	11.23	NO	11.3	11.4	11.45	11.55	11.15	11.1	11	10.95
SSI	37.17	37.28	37.06	NO	37.38	37.82	38.03	38.47	36.73	36.52	36.08	35.87
TCB	46.02	46.2	45.83	NO	46.43	47.22	47.63	48.42	45.23	44.82	44.03	43.62
STB	29.22	29.28	29.16	NO	29.33	29.57	29.68	29.92	28.98	28.87	28.63	28.52
TPB	18.45	18.5	18.4	NO	18.55	18.75	18.85	19.05	18.25	18.15	17.95	17.85
VCB	94.4	94.35	94.45	YES	94.7	94.9	95.2	95.4	94.2	93.9	93.7	93.4
VIB	23.02	23.08	22.96	NO	23.13	23.37	23.48	23.72	22.78	22.67	22.43	22.32
VHM	44.1	44.05	44.15	NO	44.75	45.3	45.95	46.5	43.55	42.9	42.35	41.7
VIC	48.27	48.15	48.38	NO	48.88	49.27	49.88	50.27	47.88	47.27	46.88	46.27
VJC	101.83	101.75	101.92	YES	102.67	103.33	104.17	104.83	101.17	100.33	99.67	98.83
VPB	19.53	19.63	19.44	NO	19.77	20.18	20.42	20.83	19.12	18.88	18.47	18.23
VNM	66.97	67.05	66.88	NO	67.13	67.47	67.63	67.97	66.63	66.47	66.13	65.97
VRE	24.38	24.45	24.32	NO	24.57	24.88	25.07	25.38	24.07	23.88	23.57	23.38

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VHM	24,322,200	11,772,640	207	2.31
LPB	13,007,000	4,875,770	267	1.08
QBS	6,443,000	661,000	975	-3.82
ABB	4,680,300	1,231,530	380	2.53
VAB	3,947,400	553,150	713.62	12.94
PNJ	3,227,800	1,298,090	249	3.71
BVB	2,280,700	198,210	1,151	4.63
AAH	2,133,200	1,013,360	210.51	-2.86
TNT	1,984,600	572,900	346	2.35
DVM	1,276,700	563,610	227	-4.03
GSP	866,300	193,010	448.84	0.81
DC4	741,300	212,540	349	6.93
DCL	688,500	30,560	2,253	6.87
LMH	680,200	277,850	245	-7.69
MIG	653,000	223,360	292	2.26
VTO	523,000	202,290	258.54	0.92
BCA	359,200	101,730	353	11.68
DHA	352,000	132,800	265	-0.53
VPD	336,900	32,840	1,026	2.22
DST	297,800	100,890	295	0
HVX	276,600	20,220	1367.95	6.89
TDP	178,700	55,580	322	0.3
ASP	165,600	73,740	225	-1.27
KGM	146,600	38,780	378	5.56
NSH	135,200	39,620	341	3.92
NCG	134,700	42,210	319.12	-3.41
MCH	121,900	34,800	350	-6.64
LDP	111,300	42,730	260	9.8
CMM	110,600	38,960	284	1.15
KMR	100,600	36,870	273	-0.28
FUEKIV30	100,000	42,140	237	0.6
SD9	81,400	32,730	249	0
CET	71,500	29,550	242	1.37
DRG	70,000	28,220	248	-8
SZL	58,700	5,490	1,069	0.12
PGV	47,700	14,320	333	-2.12
VLG	47,700	7,870	606	-1.85
SZB	46,000	7,240	635	0
DMN	45,000	18,840	239	-14.06
SBB	42,800	19,260	222	0.66

- Lưu ý: LPB, POM...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Mar	VGI	Mua	≤ 41	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 50
27-Mar	MSR	Mua	≤ 16.5	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc chuỗi sogs giảm giá và đang hình thành xu hướng tăng giá mới
27-Mar	DXG	Mua	≤ 21	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 25

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Nhóm ngân hàng đang tìm điểm cân bằng sau điều chỉnh: CTG, LPB, HDB, TPB...là nhóm cổ phiếu cần được quan sát lúc này;
- Dựa trên khung đo thời gian thì thị trường sắp vào giai đoạn biến động mạnh;
- Nhóm họ VINCOM đang có nỗ lực thoát khỏi nền giá vài tháng qua;
- Chúng tôi thấy nhóm cổ phiếu định giá cao hoặc tăng nóng đang có dấu hiệu điều chỉnh giảm giá mạnh: FRT, VTP..

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 09/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.037 VND/USD, giảm nhẹ 01 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.189 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.958 VND/USD, giảm nhẹ 05 đồng so với phiên 08/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 100 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.300 VND/USD và 25.420 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 09/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,14 – 0,96 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 3,68%; 1W 3,85%; 2W 3,83% và 1M 3,80%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,01 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W, đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,22%; 1W 5,31%; 2W 5,39%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 3Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,86%; 5Y 2,03%; 7Y 2,25%; 10Y 2,71%; 15Y 2,94%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 5.952,27 tỷ đồng đáo hạn trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 3.850 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 2,9%. Có 14.999,7 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 5.197,43 tỷ đồng ra thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức 149.849,3 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 2.513,26 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Số liệu lũy kế)

Thời gian	Tổng giá trị phát hành (Tỷ VNĐ)	Kỳ hạn phát hành bình quân (năm)	Số doanh nghiệp phát hành	Giá trị TPDN được mua lại trước hạn (Tỷ VNĐ)
2024 03	15,710.00	3.43	14	23,863.33
2024 02	6,965.00	4.77	9	15,832.69
2024 01	4,800.00	4.35	5	10,183.78
2023 12	313,188.20	4.92	180	246,128.94
2023 11	236,880.40	4.67	142	207,056.56
2023 10	200,065.80	4.42	121	196,075.36
2023 09	169,675.30	4.54	102	178,505.66
2023 08	131,547.30	4.49	79	166,674.57
2023 07	99,807.80	4.38	60	146,802.18
2023 06	61,914.70	3.51	44	119,331.81
2023 05	32,952.10	2.89	24	80,060.77
2023 04	29,677.10	2.79	17	51,658.00
2023 03	29,006.10	2.83	16	36,877.52

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo kỳ hạn (Số liệu theo tháng)

GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH TRONG THÁNG

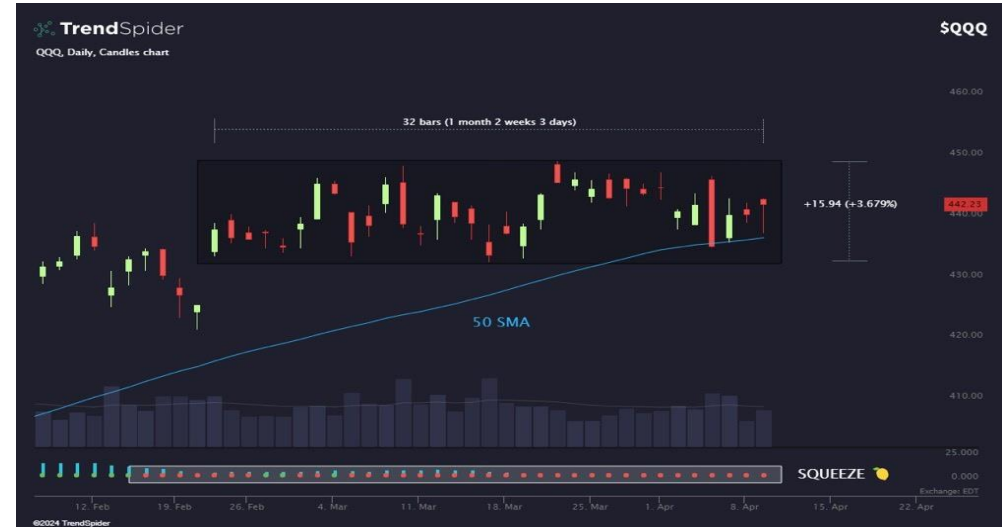
Thời gian	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	Khác	Tổng cộng
2024 03	1,800.0	1,250.0	5,695.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8,745.0
2024 02	0.0	0.0	115.0	1,500.0	0.0	0.0	550.0	2,165.0
2024 01	0.0	0.0	3,600.0	0.0	0.0	0.0	1,200.0	4,800.0
2023 12	50.0	20,350.0	15,650.0	10,959.7	7,475.1	7,015.0	14,808.0	76,307.8
2023 11	850.0	4,000.0	7,890.0	14,475.0	2,032.0	2,357.3	5,210.3	36,814.6
2023 10	1,626.0	13,630.0	6,852.5	6,252.0	1,850.0	0.0	180.0	30,390.5
2023 09	2,800.0	11,165.0	9,900.0	5,890.0	2,542.0	5,010.0	821.0	38,128.0
2023 08	6,982.5	11,150.0	4,850.0	3,470.0	769.0	60.0	4,458.0	31,739.5
2023 07	5,000.0	825.0	10,000.0	18,639.8	695.0	100.0	2,633.3	37,893.1
2023 06	722.6	6,930.0	7,600.0	3,650.0	4,015.0	500.0	5,545.0	28,962.6
2023 05	160.0	200.0	0.0	2,900.0	0.0	0.0	15.0	3,275.0
2023 04	671.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	671.0
2023 03	17,026.1	130.0	40.0	9,100.0	600.0	0.0	0.0	26,896.1



Google và AMZN sẽ là những cổ phiếu dẫn dắt thị trường sau nhịp điều chỉnh này ?



Nasdaq sẽ có biến động mạnh vào tối nay khi tin tức CPI công bố ?



Roblox thiết lập mô hình tăng giá trung hạn ?



Dự báo diễn biến thị trường theo tin tức CPI

In terms of the market's reaction function ...

Core MoM	SPX Reaction
< 0.20%	SPX +1.50%
0.20%-0.24%	SPX +1.00%
0.25%-0.28% (GSe 0.27%)	SPX +0.50%
0.29%-0.32%	SPX -0.50%
0.33%-0.37%	SPX -1.25%
0.38-0.45%	SPX -2.00%

Kết luận: Biến động TTCK Mỹ tối nay phụ thuộc vào bản tin CPI

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

